

Số: 1077/QĐ-SGDĐT

Sơn La, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục – đào tạo năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La

Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính tại Tờ trình số 95/TTr-KHTC ngày 10/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục – đào tạo năm 2026 thực hiện tại UBND các xã, phường; các trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú; Trung tâm GDTX; các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (*chi tiết chỉ tiêu theo các phụ lục đính kèm Quyết định này*).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục năm 2026 được giao UBND các xã, phường giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng sở, Hiệu trưởng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, hiệu trưởng/giám đốc các đơn vị trực thuộc sở, chủ tịch UBND các xã, phường; trưởng các phòng thuộc Sở, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Chiến

CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1077/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2025 của Sở GD&ĐT)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	
				Kế hoạch	Ước TH cả năm	Tổng số	Trđ: Ngân sách cấp
I	GIÁO DỤC						
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	379.511	394.625	375.225	394.625	
	+ Mầm non	"	87.515	93.806	85.931	93.806	
	TĐ Nhà trẻ		21.336	22.870	20.950	22.870	
	TĐ Mẫu giáo		66.179	70.936	64.981	70.936	
	TĐ: Học sinh nữ	"	41.987	45.994	39.372	45.994	
	+ Tiểu học	"	146.222	148.756	139.320	148.756	
	TĐ: Học sinh nữ	"	70.187	71.403	64.916	71.403	
	+ Trung học cơ sở	"	105.767	110.055	108.259	110.055	
	TĐ: Học sinh nữ	"	51.290	53.885	50.051	53.885	
	+ Trung học phổ thông	"	40.007	42.008	35.088	42.008	
	+ Trung học phổ thông chương trình GDTX		6.555	6.883	6.717	6.883	
2	Tổng số học sinh dân tộc thiểu số	"	318.789	331.485	318.789	331.485	
	Chia ra:	"					
	+ Mầm non	"	81.480	83.480	71.670	83.480	
	+ Tiểu học	"	121.364	123.467	118.910	123.467	
	+ Trung học cơ sở	"	89.286	93.750	92.829	93.750	
	+ Trung học phổ thông	"	31.352	32.920	34.637	32.920	
	TĐ: Học sinh nữ	"	160.670	167.068	154.339	167.068	
3	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo ra lớp	%	99,6	99,6	99,9	99,6	
	TĐ: Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo		99,9	99,9	99,9	99,9	
4	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	%					
	+ Tiểu học	"	99,8	99,8	99,8	99,8	
	+ Trung học cơ sở	"	98,9	98,9	98,9	98,9	
	+ Trung học phổ thông	"					
5	Tỷ lệ học sinh hoàn thành bậc tiểu học	"	99,8	99,8	99,8	99,8	
6	Số xã đạt chuẩn phổ cập THCS	Xã	204	204	75	75	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập THCS	%	100	100	100	100	
7	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã	204	204	75	75	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	%	100	100	100	100	
8	Tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia		399	425	437	442	
	Mầm non	Trường	148	157	162	165	
	Tiểu học	Trường	66	74	79	73	
	THCS	Trường	154	160	160	171	
	THPT	Trường	31	34	36	34	
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	63	65	65	67	
	TĐ: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	28	30	30	32	
II	ĐÀO TẠO (Tuyển sinh năm 2025)		1.934	2.035	2.070	2.035	
1	Trường Cao đẳng Sơn La	HSSV	1.107	1.135	1.135	1.135	
1	Cao đẳng. Trong đó:	Sinh viên	164	190	190	190	
	- Giáo dục nghề nghiệp	Sinh viên	114	90	90	90	
	- Sư phạm	Sinh viên	50	100	100	100	
2	Trung cấp	Học sinh	943	945	945	945	
2	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La		362	430	465	430	
1	Cao đẳng	Sinh viên	362	430	465	430	
3	Trường CĐ Kỹ thuật công nghệ Sơn La		465	470	470	470	
1	Cao đẳng	Sinh viên	107	110	110	110	
2	Trung cấp	Học sinh	358	360	360	360	